

# QUY TẮC BẢO HIỂM BẢO LÃNH ĐỐI ỨNG

## Quy tắc bảo hiểm chung

### Điều 1 (Lập hợp đồng bảo hiểm bảo lãnh)

- ① Một hợp đồng bảo hiểm bảo lãnh được tạo lập dựa trên Giấy yêu cầu cấp bảo hiểm bảo lãnh của Bên mua bảo hiểm và sự chấp thuận của công ty bảo hiểm bảo lãnh (thuật ngữ “hợp đồng bảo hiểm bảo lãnh” sau đây được gọi là “Hợp đồng”, “Bên mua bảo hiểm bảo lãnh” được gọi là “Bên mua bảo hiểm” và “Công ty bảo hiểm bảo lãnh” được gọi là “Công ty”).
- ② Bất kỳ Giấy yêu cầu và chấp thuận của Hợp đồng phải được lập thành văn bản. Công ty chấp thuận Giấy yêu cầu cấp bảo hiểm bảo lãnh từ Bên mua bảo hiểm qua việc cấp Đơn bảo hiểm bảo lãnh cho Bên mua bảo hiểm.
- ③ Công ty có thể, sau khi nhận được Giấy yêu cầu cấp bảo hiểm bảo lãnh, từ chối Giấy yêu cầu hoặc đề nghị Bên mua bảo hiểm cung cấp tài sản đảm bảo và/hoặc bảo lãnh sau khi xác định chi tiết các trách nhiệm được Công ty bảo lãnh, tình trạng tài sản, khả năng thực hiện hợp đồng, xếp hạng tín dụng, v.v... (thẩm định hợp đồng) của Bên mua bảo hiểm.
- ④ Trong trường hợp, trước thời điểm được Công ty chấp thuận Bên mua bảo hiểm đặt cọc bất kỳ khoản tiền nào tương đương với mức phí bảo hiểm cho Công ty, Bên mua bảo hiểm sẽ đóng phí bảo hiểm bảo lãnh bằng số tiền đã đặt cọc trước nếu Công ty chấp thuận Giấy yêu cầu cấp bảo hiểm bảo lãnh, bằng cách ký kết Hợp đồng. Nếu Công ty từ chối Giấy yêu cầu cấp bảo hiểm bảo lãnh, Công ty sẽ ra thông báo từ chối và trả lại cho người nộp giấy yêu cầu khoản tiền đã đặt cọc cho Công ty.
- ⑤ Nếu một hợp đồng đã ký kết được gia hạn hoặc sửa đổi, Công ty có thể ghi nhận việc gia hạn hoặc sửa đổi đó ngay trên Đơn bảo hiểm bảo lãnh thay vì cấp một đơn bảo hiểm bảo lãnh khác.

### Điều 2 (Nghĩa vụ chuyên giao Quy tắc bảo hiểm và Nghĩa vụ giải thích v.v...)

- ① Khi nhận được Giấy yêu cầu cấp bảo hiểm bảo lãnh từ Bên mua bảo hiểm, Công ty sẽ giao Quy tắc bảo hiểm cho Bên mua bảo hiểm cùng Giấy yêu cầu cấp bảo hiểm bảo lãnh để người đó giữ (một bản sao của Giấy yêu cầu cấp bảo hiểm bảo lãnh) và giải thích các nội dung quan trọng của Quy tắc bảo hiểm: với điều kiện, Công ty có thể thực hiện việc giao các tài liệu và thực hiện việc giải thích bằng bất cứ phương thức nào sau đây trong trường hợp một hợp đồng bảo hiểm bảo lãnh được giao kết bằng phương tiện truyền thông như điện thoại, thư điện tử, máy tính, v.v... tùy theo sự đồng ý của Bên mua bảo hiểm.

1. Chuyên giao Quy tắc bảo hiểm hoặc Giấy yêu cầu cấp bảo hiểm bảo lãnh cho Bên mua bảo hiểm giữ (bản sao của Giấy yêu cầu cấp bảo hiểm bảo lãnh) bằng phương tiện ghi chép hiển thị, thư điện tử, hoặc bất cứ phương tiện điện tử khác. Trong những trường hợp đó, Bên mua bảo hiểm sẽ được coi là đã nhận được Quy tắc bảo hiểm hoặc Giấy yêu cầu cấp bảo hiểm bảo lãnh (bản sao Giấy yêu cầu cấp bảo hiểm

bảo lãnh) khi các tài liệu này đã được chuyển đến cho Bên mua bảo hiểm hoặc Đại diện của Bên mua bảo hiểm;

2. Đăng tải trên chợ điện tử (quầy bán hàng ảo được thiết lập dành cho các giao dịch bảo hiểm bảo lãnh thông qua một hệ thống máy tính) Quy tắc bảo hiểm và các chú thích (tài liệu giải thích các điều khoản quan trọng của Quy tắc bảo hiểm cho Bên mua bảo hiểm hiệu) để Bên mua bảo hiểm đọc hoặc tải xuống. Trong các trường hợp đó, Quy tắc bảo hiểm sẽ được coi là đã được chuyển giao và các điều khoản quan trọng của Quy tắc bảo hiểm đã được giải thích cho Bên mua bảo hiểm nếu Bên mua bảo hiểm xác nhận rằng họ đã đọc hoặc tải các tài liệu đó về;

3. Hỏi các câu hỏi, hoặc giải thích qua điện thoại các vấn đề cần thiết cho việc giao kết hợp đồng, như chi tiết về Giấy yêu cầu cấp bảo hiểm, trả phí bảo hiểm, thời hạn bảo hiểm, nghĩa vụ thông báo trước khi thực hiện Hợp đồng, và các điều khoản quan trọng của Quy tắc bảo hiểm. Trong các trường hợp đó, các vấn đề quan trọng của Quy tắc bảo hiểm được coi là đã được giải thích nếu việc trả lời và xác nhận của Bên mua bảo hiểm đã được ghi lại bằng một hệ thống ghi âm.

② Một Giấy yêu cầu cấp bảo hiểm bảo lãnh nộp bởi Bên mua bảo hiểm và Quy tắc bảo hiểm được gửi cho Bên mua bảo hiểm bởi Công ty theo Khoản ① sẽ cấu thành một phần của Hợp đồng.

③ Công ty sẽ phải, theo yêu cầu của Bên mua bảo hiểm, cung cấp Quy tắc bảo hiểm hoặc Đơn bảo hiểm bảo lãnh theo khoản ① điều này cho Người được bảo hiểm.

### **Điều 3 (Bắt đầu được bảo hiểm bởi Công ty)**

① Công ty được coi như đã chấp nhận Giấy yêu cầu cấp bảo hiểm bảo lãnh vào ngày được ghi trong Đơn bảo hiểm bảo lãnh mà Công ty phát hành cho Bên mua bảo hiểm.

② Công ty sẽ bảo hiểm cho Bên mua bảo hiểm như quy định trong Quy tắc bảo hiểm kể từ thời điểm Công ty chấp nhận Giấy yêu cầu cấp bảo hiểm bảo lãnh và nhận được phí bảo hiểm.

### **Điều 4 (Rút giấy yêu cầu)**

Trước khi Công ty chấp nhận Giấy yêu cầu cấp bảo hiểm bảo lãnh, Bên mua bảo hiểm có thể rút Giấy yêu cầu cấp bảo hiểm bảo lãnh, khi tiếp nhận việc rút Giấy yêu cầu, Công ty sẽ hoàn trả lại khoản tiền đặt cọc cho Bên mua bảo hiểm mà không bao gồm bất kỳ khoản lãi nào.

### **Điều 5 (Sửa đổi các điều kiện và điều khoản của Hợp đồng, v.v...)**

① Bên mua bảo hiểm có thể sửa đổi các điều khoản và điều kiện sau đây của Hợp đồng với sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty và sự đồng ý bằng văn bản của Người được bảo hiểm. Trong trường hợp này, việc chấp thuận sửa đổi các điều khoản và điều kiện phải được thông báo riêng bằng văn bản bởi Công ty hoặc bằng cách ghi nhận sự thay đổi trên mặt sau của Đơn bảo hiểm bảo lãnh:

1. Thời hạn bảo hiểm;

2. Những nội dung khác của Hợp đồng, bao gồm Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm và Số tiền bảo hiểm.

② Nếu Bên mua bảo hiểm có ý định giảm số tiền bảo hiểm theo quy định tại Điểm 2 khoản① của điều này với sự đồng ý bằng văn bản của Người được bảo hiểm, Công ty sẽ coi phần giá trị bị giảm của Hợp đồng đã được chấm dứt, và nếu có các khoản phí bảo hiểm bảo lãnh được hoàn trả cho Bên mua bảo hiểm do kết quả của việc giảm số tiền bảo hiểm này, Công ty sẽ hoàn lại khoản phí đó cho Bên mua bảo hiểm theo quy định tại Điều 13 (Hoàn phí bảo hiểm bảo lãnh).

#### **Điều 6 (Tổn thất được bảo hiểm)**

Công ty, căn cứ theo các điều khoản của Đơn bảo hiểm bảo lãnh và Quy tắc bảo hiểm này, sẽ bồi thường cho Người được bảo hiểm đối với bất kỳ tổn thất nào xảy ra hoặc dự kiến xảy ra do yêu cầu bồi thường mà bên đối ứng nêu tại “ Bảo lãnh do Người được bảo hiểm phát hành ” yêu cầu như được đề cập trong Đơn bảo hiểm bảo lãnh theo các điều kiện và điều khoản của Bảo lãnh đó.

“Bảo lãnh do Người được bảo hiểm phát hành” có nghĩa là một bảo lãnh liên quan đến bất kỳ nghĩa vụ nào, v.v. (sau đây gọi là “Mối quan hệ cơ sở”) phát sinh từ các hợp đồng xây dựng, cung cấp hoặc dịch vụ (bao gồm bất kỳ hợp đồng thầu phụ nào liên quan đến các hợp đồng đó) hoặc các giao dịch khác mà Bên mua bảo hiểm là bên liên quan hoặc bất kỳ bảo lãnh nào bồi thường cho bảo lãnh đó.

#### **Điều 7 (Thanh toán Tiền bồi thường)**

① Số tiền bồi thường mà Công ty phải trả sẽ là bất kỳ số tiền nào mà Người được bảo hiểm đã trả hoặc dự kiến sẽ trả theo các điều khoản và điều kiện của “ Bảo lãnh do Người được bảo hiểm phát hành” được quy định trong Đơn bảo lãnh, theo yêu cầu của Bên đối ứng nêu trong Bảo lãnh đó. Tuy nhiên, nếu trên Đơn bảo hiểm bảo lãnh có quy định riêng về tổn thất do chậm trễ, phí, v.v các quy định đó sẽ được áp dụng.

② Trong bất kỳ trường hợp nào, Số tiền bồi thường nêu tại khoản① điều này sẽ không được vượt quá số tiền bảo hiểm bảo lãnh.

③ Nếu Công ty đã thanh toán bồi thường tổn thất theo khoản①, số dư thực còn lại sau khi trừ đi số tiền bồi thường đã được trả từ Số tiền bảo hiểm bảo lãnh sẽ là Số tiền bảo hiểm bảo lãnh cho thời hạn bảo lãnh còn lại.

#### **Điều 8 (Tổn thất không được bảo hiểm)**

Công ty sẽ không bồi thường bất cứ tổn thất nào xảy ra từ bất kỳ những nguyên nhân sau:

1. Bất cứ nguyên nhân nào mà Người được bảo hiểm phải chịu trách nhiệm;
2. Không thực hiện được nghĩa vụ do chiến tranh, cách mạng, nội chiến, sự cố, khủng bố, bạo loạn, dân biến, hoặc bất cứ sự kiện tương tự nào;
3. Không thực hiện nghĩa vụ do một sự kiện Thiên tai như động đất, núi lửa, lũ lụt, sóng thần, hoặc bất cứ thảm họa thiên nhiên nào tương tự.

## **Điều 9 (Tiền tệ và Tỷ giá hối đoái)**

① Đơn vị tiền tệ của Hợp đồng là đơn vị tiền được ghi trên Đơn bảo hiểm bảo lãnh; Với điều kiện rằng trừ khi luật Việt Nam cho phép Bên mua bảo hiểm chuyển ngoại tệ cho Người được bảo hiểm (Ví dụ: việc chuyển tiền ra nước ngoài là cần thiết để thực hiện gói thầu quốc tế, và, đấu thầu trong lĩnh vực dầu khí), đơn vị tiền tệ của hợp đồng sẽ là Đồng Việt Nam.

② Nếu đơn vị tiền tệ của hợp đồng là ngoại tệ theo các trường hợp tại khoản ① Điều 9 này, và Bên mua bảo hiểm muốn xác định nghĩa vụ nợ bằng Đồng Việt Nam và Người được bảo hiểm mong muốn nhận tiền bồi thường bằng Đồng Việt Nam, tỷ giá bán ra (chào bán) niêm yết đầu ngày do ngân hàng giao dịch chính của Chi nhánh Công ty Bảo hiểm bảo lãnh Seoul tại Hà Nội công bố vào ngày thanh toán khoản tiền bồi thường sẽ được áp dụng làm tỷ giá chuyển đổi.

③ Nếu đơn vị tiền tệ của Hợp đồng là ngoại tệ do các trường hợp tại khoản ① Điều 9 này, và Bên mua bảo hiểm muốn thanh toán và hoàn phí bảo hiểm bằng Đồng Việt Nam, tỷ giá hối đoái sẽ được áp dụng như sau:

1. Nhận phí bảo hiểm: Tỷ giá bán (chào bán) niêm yết đầu ngày do ngân hàng giao dịch chính của Chi nhánh Công ty bảo hiểm bảo lãnh Seoul tại Hà Nội công bố vào ngày thanh toán phí bảo hiểm (đối với các trường hợp liên quan đến việc thanh toán phí bảo hiểm nhiều lần là ngày thanh toán của mỗi lần, và đối với các trường hợp liên quan đến việc sửa đổi Hợp đồng, ngày thanh toán của khoản phí bổ sung được áp dụng).

2. Hoàn phí bảo hiểm: tỷ giá bán (chào bán) niêm yết đầu ngày do ngân hàng giao dịch chính của Chi nhánh Công ty bảo hiểm bảo lãnh Seoul tại Hà Nội công bố vào ngày hoàn phí bảo hiểm, và tỷ giá này sẽ được áp dụng cho số tiền được tính bằng việc trừ đi phần phí bảo hiểm đã được hưởng từ phí bảo hiểm gốc bằng ngoại tệ.

④ Nếu không có tỷ giá hối đoái được công bố vào bất kỳ ngày nào được quy định tại khoản ①, khoản ②, hoặc khoản ③, tỷ giá hối đoái cuối cùng của ngày liền trước ngày nhận phí hoặc hoàn phí, nếu có, sẽ được áp dụng, và nếu không có tỷ giá hối đoái được niêm yết cho ngoại tệ hoặc khó áp dụng tỷ giá hối đoái, Công ty có thể sử dụng đồng ngoại tệ khác cho mục đích chuyển đổi, hoặc áp dụng bất cứ tỷ giá hối đoái nào khác do Công ty quyết định.

## **Điều 10 (Nghĩa vụ Thông báo trước khi giao kết Hợp đồng)**

Tại thời điểm lập Giấy yêu cầu cấp bảo hiểm bảo lãnh, Bên mua bảo hiểm hoặc đại diện của Bên mua bảo hiểm phải thông báo những thông tin như yêu cầu trong mẫu Giấy yêu cầu cấp bảo hiểm bảo lãnh bắt buộc trên đơn đăng ký (bao gồm cả bảng câu hỏi) một cách trung thực và chính xác.

## **Điều 11 (Nghĩa vụ Thông báo sau khi giao kết Hợp đồng)**

① Nếu một trong những sự kiện dưới đây xảy ra sau khi Hợp đồng được giao kết, Bên mua bảo hiểm phải ngay lập tức thông báo cho Công ty bằng văn bản;

1. Khi có ý định sửa đổi bất kỳ thông tin nào ghi trong Giấy yêu cầu cấp bảo hiểm bảo lãnh hoặc phát hiện ra có sự thay đổi nào;

2. Thay đổi Bên mua bảo hiểm;

3. Thay đổi Người được bảo hiểm;

4. Các vấn đề có tác động quan trọng đến nghĩa vụ của Công ty trong việc trả tiền bồi thường như số tiền bảo hiểm, thời hạn ... căn cứ theo “Bảo lãnh do Người được bảo hiểm phát hành”.

5. Khi có tranh chấp hoặc xung đột trọng yếu với khả năng cao về việc phát sinh bồi thường theo “Mối quan hệ cơ sở”.

6. Khi bên đối ứng trong “Mối quan hệ cơ sở” yêu cầu thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào căn cứ theo “Mối quan hệ cơ sở” đó.

7. Trong trường hợp bù trừ, từ bỏ, sáp nhập, hết thời hiệu, v.v. có thể ảnh hưởng đến nguyên nhân hoặc số tiền bồi thường mà Công ty chi trả.

8. Khi nhận được thanh toán từng đợt (không bao gồm đợt đầu tiên) trong trường hợp hoàn trả Đơn bảo hiểm bảo lãnh theo đó khoản tạm ứng được chi trả thành nhiều lần.

② Khi nhận được thông báo thay đổi từ Bên mua bảo hiểm theo quy định tại mục 1 tới mục 4 của khoản ①, Công ty phải quyết định xem có chấp nhận những thay đổi này không trong vòng một tháng, và theo đó có thể yêu cầu một khoản phí bảo hiểm bổ sung hoặc hoàn lại phí bảo hiểm đã nhận.

③ Bất kỳ thông báo nào theo mục 5 đến 8 của khoản ① sẽ không ảnh hưởng đến hiệu lực của khoản thanh toán tiền bồi thường của Công ty trong bất kỳ trường hợp nào.

④ Bên mua bảo hiểm phải chịu mọi tổn thất xảy ra do không thông báo như quy định tại khoản ①.

⑤ Nếu Bên mua bảo hiểm đã thay đổi địa chỉ hoặc thông tin liên lạc, Bên mua bảo hiểm phải thông báo ngay lập tức cho Công ty: với điều kiện, trong trường hợp Bên mua bảo hiểm không gửi thành công thông báo, các thông báo bằng văn bản được Công ty gửi tới Bên mua bảo hiểm đến địa chỉ mới nhất của Bên mua bảo hiểm hoặc thông tin liên lạc đã thông báo cho Công ty, sẽ được coi là đã được chuyển tới Bên mua bảo hiểm khi hết thời hạn yêu cầu tổng đạt.

## **Điều 12 (Chấm dứt Hợp đồng)**

Bên mua bảo hiểm, với sự đồng ý bằng văn bản của Người được bảo hiểm, có thể chấm dứt Hợp đồng vào bất cứ lúc nào trước khi có bất kỳ tổn thất nào xảy ra.

## **Điều 13 (Hoàn phí bảo hiểm)**

① Công ty phải hoàn lại phí bảo hiểm nếu một trong những sự kiện sau xảy ra liên quan đến Hợp đồng.

1. Hợp đồng bị vô hiệu;

2. Bên mua bảo hiểm chấm dứt Hợp đồng trước khi xảy ra tổn thất, bằng việc nhận được sự chấp thuận của Người được bảo hiểm, hoặc bằng cách chứng minh rằng các nghĩa vụ của Công ty đã hết;

3. “Bảo lãnh do Người được bảo hiểm phát hành” không được thực hiện, ngay cả khi Bên mua bảo hiểm đã nhận được Đơn bảo hiểm bảo lãnh do Công ty phát hành.

② Bên mua bảo hiểm phải nộp Đơn bảo hiểm bảo lãnh và những tài liệu chỉ ra lý do hoàn phí được quy định tại khoản ① trên đây khi đưa ra yêu cầu Hoàn phí bảo hiểm; trừ trường hợp Người được bảo hiểm gây khó khăn cho việc nộp Đơn bảo hiểm bảo lãnh, Bên mua bảo hiểm được miễn nộp Đơn bảo hiểm bảo lãnh.

③ Khoản phí bảo hiểm bảo lãnh mà Công ty hoàn trả là khoản tiền được tính bằng cách trừ phí bảo hiểm bảo lãnh được hưởng (hoặc, trong trường hợp phí bảo hiểm bảo lãnh tối thiểu cao hơn phí được hưởng, áp dụng trừ phí bảo hiểm bảo lãnh tối thiểu) từ khoản phí đã nhận. Tuy nhiên, trong trường hợp rơi vào điểm 3 của khoản ① trên đây, phí bảo hiểm bảo lãnh tối thiểu sẽ được khấu trừ.

④ Phí bảo hiểm được hưởng quy định tại khoản ③ được tính như sau:

1. Trường hợp Hợp đồng bị chấm dứt do nghĩa vụ của Bên mua bảo hiểm quy định trong “Bảo lãnh do Người được bảo hiểm phát hành” chấm dứt : được tính theo tỷ lệ ngày kể từ ngày bắt đầu thời hạn “Bảo lãnh do Người được bảo hiểm phát hành” cho đến ngày chấm dứt nghĩa vụ của Bên mua bảo hiểm.

2. Khi Hợp đồng chấm dứt vì các lý do khác hoặc Hợp đồng bị vô hiệu: được tính trên cơ sở theo tỷ lệ hàng ngày, từ ngày bắt đầu của thời hạn bảo hiểm bảo lãnh đến ngày nhận được hồ sơ yêu cầu Hoàn phí bảo hiểm;

⑤ Đối với bảo lãnh dự thầu, khi Người được bảo hiểm đã phát hành đơn bảo lãnh, phí bảo hiểm sẽ không được hoàn lại.

⑥ Trong trường hợp xảy ra bất kỳ tổn thất nào, phí bảo hiểm sẽ không được hoàn trả.

#### **Điều 14 (Chuyển nhượng)**

Công ty không bị ràng buộc với bất kỳ chuyển nhượng nào liên quan đến các vấn đề của Hợp đồng nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty, trường hợp Công ty chấp thuận bằng văn bản, toàn bộ các quyền và nghĩa vụ phát sinh theo Hợp đồng này sẽ được coi là đã được chuyển nhượng cùng.

#### **Điều 15 (Chuyển nhượng hoặc Thế chấp Quyền yêu cầu bồi thường)**

Quyền yêu cầu bồi thường của Người được bảo hiểm theo Hợp đồng, sẽ không được chuyển nhượng cho, hoặc được sử dụng làm tài sản thế chấp cho một bên thứ ba khi chưa có sự đồng ý trước bằng văn bản của Công ty.

#### **Điều 16 (Thông báo và Giám định Thiệt hại)**

Khi Bên mua bảo hiểm phát hiện đã xảy ra một sự kiện tổn thất, Bên mua bảo hiểm phải thông báo ngay lập tức cho Công ty và phối hợp với Công ty giám định thiệt hại theo yêu cầu của Công ty.

#### **Điều 17 (Nghĩa vụ ngăn chặn và Giảm thiểu Tổn thất)**

① Trước cũng như sau khi xảy ra sự kiện tổn thất, Bên mua bảo hiểm phải cố gắng ngăn chặn và giảm thiểu tổn thất.

② Bên mua bảo hiểm, khi có thể nhận được toàn bộ hoặc một phần tiền bồi thường thiệt hại từ bất kỳ người nào khác, không được cản trở trong việc thực hiện các thủ tục cần thiết để bảo toàn hoặc thực hiện quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại, quyền bồi thường, v.v. chống lại bên đối ứng theo “Mối quan hệ cơ sở”. Ngoài ra, khi Công ty yêu cầu Bên mua bảo hiểm xuất trình bất kỳ tài liệu nào về cập nhật tiến độ, v.v., thì Bên mua bảo hiểm phải thực hiện theo yêu cầu đó.

### **Điều 18. (Yêu cầu bồi thường)**

① Khi Người được bảo hiểm yêu cầu Thanh toán tiền bồi thường, Người được bảo hiểm phải nộp cho Công ty những tài liệu sau:

1. Một Giấy yêu cầu thanh toán tiền bồi thường;
2. Những tài liệu xác minh tư cách Người được bảo hiểm;
3. Tài liệu chứng minh tổn thất;
4. Tài liệu khác theo yêu cầu của Công ty

② Nếu Người được bảo hiểm chuyển các tài liệu được yêu cầu cho việc yêu cầu bồi thường qua SWIFT (Hiệp hội Viễn thông liên Ngân hàng và Tài chính Quốc tế) hoặc qua các hình thức khác được quy định trong Đơn bảo hiểm bảo lãnh, Công ty sẽ coi như Người được bảo hiểm đã nộp các tài liệu đó theo điểm 1 đến điểm 3 của khoản ①.

③ Khi nhận được yêu cầu thanh toán tiền bồi thường theo khoản ①, Công ty sẽ ngay lập tức quyết định số tiền bồi thường sẽ trả, và thanh toán số tiền đó trong vòng mười lăm ngày kể từ ngày khoản tiền bồi thường được xác định. Tuy nhiên, Công ty sẽ thanh toán số tiền bồi thường vào ngày được xác định riêng với Bên mua bảo hiểm hoặc Người được bảo hiểm căn cứ theo Đơn bảo hiểm bảo lãnh nếu có.

④ Nếu Công ty không thanh toán khoản bồi thường trong vòng mười lăm ngày kể từ sau khi khoản tiền bồi thường được xác định được theo khoản ③, Công ty phải thanh toán lãi chậm trả với mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng nhà nước tại thời điểm thanh toán cho khoảng thời gian kể từ ngày thanh toán chậm cho tới ngày số tiền bồi thường được thanh toán hoàn toàn, trừ trường hợp, nếu có bất cứ quy định cụ thể nào khác ghi trong Đơn bảo hiểm bảo lãnh theo yêu cầu của Người được bảo hiểm hoặc Bên mua bảo hiểm thì các bên sẽ áp dụng các quy định đó.

### **Điều 19 (Thời hiệu)**

Thời hiệu yêu cầu bồi thường là một năm kể từ ngày phát sinh sự kiện tổn thất.

### **Điều 20 (Quyền thu hồi nợ và thế quyền)**

① Nếu Công ty thanh toán tiền bồi thường (bao gồm cả thanh toán bằng hiện vật) cho Người được bảo hiểm, khi không có quy định khác, Công ty sẽ có quyền yêu cầu Bên mua bảo hiểm hoàn trả khoản bồi

thường, và trong phạm vi lợi ích của Người được bảo hiểm không bị ảnh hưởng bất lợi, Công ty sẽ được thế quyền với bất kỳ quyền yêu cầu nào mà Người được bảo hiểm có thể có đối với Bên mua bảo hiểm.

② Nếu Bên mua bảo hiểm chậm thanh toán các nghĩa vụ theo quy định tại Khoản ①, Bên mua bảo hiểm sẽ phải chịu mọi tổn thất xảy ra do việc chậm trễ cũng như các khoản phí sau đây:

1. Chi phí cho việc duy trì, chuyển giao và thực hiện các quyền thu hồi nợ hay các yêu cầu thế quyền;
2. Chi phí điều tra, thu thập và xử lý tài sản đảm bảo;
3. Chi phí tố tụng tòa án, chi phí pháp lý cho việc duy trì yêu cầu thực thi (bao gồm cả việc thu hồi), thực hiện yêu cầu và các chi phí cho việc điều tra tài sản của Bên mua bảo hiểm;
4. Các chi phí khác mà Bên mua bảo hiểm phải chịu theo luật và các thỏa thuận khác.

③ Khoản tiền tổn thất phát sinh do chậm thực hiện quy định tại khoản ② sẽ được tính bằng cách nhân số tiền bồi thường do Công ty thanh toán với lãi suất được Công ty công bố công khai áp dụng cho các khoản trả chậm, đối với toàn bộ khoảng thời gian kể từ ngày sau ngày Công ty trả tiền bồi thường cho đến ngày tất cả các khoản nợ chưa thanh toán được Bên mua bảo hiểm hoàn lại đầy đủ.

#### **Điều 21 (Thứ tự bồi hoàn)**

① Nếu một khoản tiền được Bên mua bảo hiểm hoàn trả hoặc một khoản tiền mà Công ty thu hồi thông qua việc thực hiện các quyền với tài sản bảo đảm, khấu trừ hoặc thu hồi tiền bồi thường không đủ để hoàn trả toàn bộ khoản tiền nợ của Bên mua bảo hiểm, việc trả nợ sẽ được áp dụng theo thứ tự chi phí, tiền bồi thường (tiền nợ gốc), và lãi.

② Nếu có nhiều khoản nợ được hoàn trả và số tiền đã thu hồi không đủ để trả toàn bộ khoản nợ của Bên mua bảo hiểm, các luật và quy định liên quan sẽ được áp dụng để điều chỉnh khoản thu hồi thông qua việc cưỡng chế thi hành, thực hiện quyền với tài sản bảo đảm, v.v...

③ Nếu có nhiều hơn một khoản nợ sẽ được trả và khoản ② điều này không được áp dụng, việc hoàn trả sẽ được áp dụng theo thứ tự được đề xuất bởi Bên mua bảo hiểm: với điều kiện, nếu việc đó ngăn cản việc bảo vệ quyền thu hồi nợ của Công ty, Công ty có thể ngay lập tức phản đối và thay đổi thứ tự hoàn trả với việc cân nhắc xem liệu đã có biện pháp đảm bảo bằng hiện vật hay hình thức bảo lãnh nào được thực hiện hay chưa, hay thứ tự thu hồi của các khoản nợ có bị giới hạn bởi vấn đề thời hạn hay không...

#### **Điều 22 (Xử lý tài sản đảm bảo)**

Khi Công ty thanh toán tiền bồi thường, tài sản đảm bảo được cung cấp bởi người cấp tài sản đảm bảo sẽ bị xử lý theo thủ tục pháp lý được áp dụng và hợp đồng xác lập các quyền đảm bảo đó. Tuy nhiên, Công ty có thể xử lý tài sản đảm bảo bằng cách thức, thời gian và giá cả mà Công ty thấy hợp lý, với điều kiện là giá của tài sản đảm bảo được xác định trên cơ sở trao đổi hay bằng cách thức khác mà công ty mong muốn để nhận được điều kiện thuận lợi cho việc xử lý, và Công ty có thể áp dụng số dư ròng sau khi khấu trừ các chi phí phát sinh liên quan đến việc xử lý tài sản vào số tiền Công ty thu được từ việc xử lý nhằm thu hồi nợ lại.



### **Điều 23 (Quyền tài phán)**

Bất cứ tranh chấp nào liên quan đến Hợp đồng sẽ được nộp duy nhất tới Trung tâm trọng tài quốc tế Việt Nam (VIAC) bên cạnh Phòng thương mại và công nghiệp Việt Nam, và được giải quyết theo các quy định trọng tài của VIAC. Việc phân xử sẽ được diễn ra tại Hà Nội, Việt Nam, và sẽ được thực hiện bằng tiếng Anh. Quyết định của VIAC sẽ là quyết định cuối cùng và ràng buộc các bên. Mặc dù đã được quy định ở trên, nhưng Công ty, Bên mua bảo hiểm và Người được bảo hiểm có thể thỏa thuận để thay đổi quyền tài phán đối với tranh chấp liên quan tới Hợp đồng bảo hiểm.

### **Điều 24 (Luật điều chỉnh)**

Quy tắc bảo hiểm này sẽ được điều chỉnh bởi các Luật và các văn bản hướng dẫn thi hành của Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Tuy nhiên, nếu công ty và Người được bảo hiểm hoặc Bên mua bảo hiểm chỉ định một luật điều chỉnh khác, thì luật đó sẽ được áp dụng.

## **Quy tắc bảo hiểm bổ sung áp dụng cho Bảo lãnh vô điều kiện**

### **Điều 1 (Phạm vi áp dụng)**

Quy tắc bảo hiểm bổ sung này sẽ chỉ áp dụng cho các hợp đồng mà Công ty chấp thuận bồi thường vô điều kiện cho Người được bảo hiểm khi Người được bảo hiểm yêu cầu thanh toán theo các điều khoản và điều kiện quy định trong Đơn bảo hiểm bảo lãnh.

### **Điều 2 (Tổn thất được bảo hiểm)**

Ngoài việc bồi thường cho Người được bảo hiểm đối với các tổn thất theo Điều 6 (Tổn thất được bảo hiểm), Công ty sẽ bồi thường cho Người được bảo hiểm đối với các tổn thất theo Điều 8 (Tổn thất không được bảo hiểm) của Quy tắc bảo hiểm chung. Tuy nhiên, Công ty sẽ không bồi thường cho Người được bảo hiểm trong trường hợp xảy ra tổn thất theo mục 1 của Điều 8 (Tổn thất không được bảo hiểm) của Quy tắc bảo hiểm chung.

### **Điều 3 (Yêu cầu bồi thường)**

Bất kể mục 3 của khoản ① Điều 18 (Yêu cầu bồi thường) của Quy tắc bảo hiểm chung, nếu Người được bảo hiểm đưa ra yêu cầu bồi thường dựa trên một số tài liệu được chỉ định trong Đơn bảo hiểm bảo lãnh được chấp nhận để yêu cầu bồi thường, Công ty có thể thay thế các tài liệu đó cho các tài liệu xác minh tổn thất.

### **Điều 4 (Nghĩa vụ của Bên mua bảo hiểm)**

① Việc xác định cơ sở để bồi thường cho một tổn thất tồn tại có liên quan đến yêu cầu đòi bồi thường của Người được bảo hiểm sẽ được thực hiện hoàn toàn theo quyết định của Công ty và Bên mua bảo hiểm sẽ không có quyền phản đối việc xác định đó của Công ty.

② Trong trường hợp Công ty thanh toán tiền bồi thường, Bên mua bảo hiểm sẽ không có bất kỳ quyền phản đối về hiệu lực của việc thanh toán vì bất kỳ lý do nào liên quan đến “Mối quan hệ cơ sở” hoặc bất kỳ nghĩa vụ nào của Bên mua bảo hiểm đối với bên còn lại trong “Mối quan hệ cơ sở” đó.

③ Việc Công ty thanh toán bất kỳ khoản tiền bồi thường nào sẽ không yêu cầu bất kỳ sự thông báo trước nào cho Bên mua bảo hiểm, và phương thức thanh toán và tính toán số tiền chi trả sẽ được Công ty xác định theo cách mà Công ty cho là phù hợp, và Bên mua bảo hiểm sẽ không đưa ra bất kỳ sự phản đối nào đối với các quyết định đó của Công ty.

### **Điều 5 (Các Điều khoản điều chỉnh)**

Bất kỳ vấn đề nào không được quy định tại Quy tắc bảo hiểm bổ sung này sẽ được điều chỉnh theo Quy tắc bảo hiểm chung.

## **Quy tắc bổ sung về việc Gia hạn hoặc Thanh toán**

### **Điều 1 (Phạm vi áp dụng)**

Quy tắc bảo hiểm bổ sung này chỉ áp dụng cho Hợp đồng cho phép Công ty lựa chọn và thực hiện một trong những yêu cầu của Người được bảo hiểm, như yêu cầu gia hạn thời hạn bảo hiểm, hoặc Thanh toán bồi thường.

### **Điều 2 (Gia hạn Thời hạn Bảo hiểm hoặc Thanh toán bồi thường)**

① Công ty có thể lựa chọn hoặc thực hiện một trong những yêu cầu của Người được bảo hiểm, như yêu cầu gia hạn thời hạn bảo hiểm bảo lãnh, hoặc Thanh toán bồi thường, khi Công ty nhận được các yêu cầu đó từ Người được bảo hiểm. Tuy nhiên, Công ty có thể chỉ chọn thanh toán bồi thường theo một trong các điều khoản sau đây :

1. Trường hợp thời hạn hợp đồng của “Mối quan hệ cơ sở” được quy định tại Điều 6 (Tổng thất được bảo hiểm) của Quy tắc bảo hiểm chung hoặc thời hạn thực hiện nghĩa vụ đã hết.

2. Ngay cả trong thời hạn hợp đồng hoặc trước thời hạn thực hiện nghĩa vụ của “Mối quan hệ cơ sở” , khi Người được bảo hiểm yêu cầu Công ty gia hạn thời hạn Bảo hiểm bảo lãnh hoặc thanh toán tiền bồi thường theo thỏa thuận giữa bên khác và nhà thầu của “Bảo lãnh do Người được bảo hiểm phát hành” chẳng hạn như gia hạn thời gian hợp đồng theo quy định tại Điều 6 (Tổng thất được bảo hiểm) của Quy tắc bảo hiểm chung.

② Khi nhận được yêu cầu theo quy định tại khoản ①, Công ty phải thông báo ngay sự việc cho Bên mua bảo hiểm biết, và thông báo cho Bên mua bảo hiểm và Người được bảo hiểm về việc đồng ý hay không đồng ý cho gia hạn thời hạn bảo hiểm, trong vòng 30 ngày kể từ ngày ngay sau ngày nhận được yêu cầu của Người được bảo hiểm.

③ Nếu Công ty, theo yêu cầu của Người được bảo hiểm, thông báo về việc gia hạn thời hạn cho Bên mua bảo hiểm, Bên mua bảo hiểm sẽ thực hiện thủ tục xin sửa đổi Hợp đồng như gia hạn thời hạn bảo hiểm và v.v... Trong trường hợp Bên mua bảo hiểm không thực hiện thủ tục xin sửa đổi, Công ty sẽ quyết định thanh toán bồi thường, và Bên mua bảo hiểm sẽ không phản đối quyết định đó.

④ Khi Công ty quyết định thanh toán tiền bồi thường theo khoản ③, Công ty sẽ thông báo ngay sự việc cho Bên mua bảo hiểm biết, và thanh toán bồi thường cho Người được bảo hiểm theo các điều khoản của Đơn bảo hiểm bảo lãnh và Quy tắc bảo hiểm này.

### **Điều 3 (Điều khoản đặc biệt)**

Bất kể các quy định của Điều 6 (Tổng thất được bảo hiểm) và Điều 7 (Thanh toán tiền bồi thường), Người được bảo hiểm có thể yêu cầu Công ty gia hạn thời hạn Đơn bảo hiểm bảo lãnh hoặc thanh toán tiền bồi thường theo các Điều khoản và Điều kiện Đặc biệt này ngay cả khi bên được quy định trong Đơn bảo hiểm bảo lãnh chưa yêu cầu Người được bảo hiểm thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh.

#### **Điều 4 (Các Điều khoản điều chỉnh)**

Bất kỳ vấn đề nào không được quy định tại Quy tắc bảo hiểm bổ sung này sẽ được điều chỉnh theo Quy tắc bảo hiểm chung.

### **Quy tắc bảo hiểm bổ sung về việc thanh toán Phí Bảo hiểm bảo lãnh nhiều lần**

#### **Điều 1 (Thanh toán phí bảo hiểm bảo lãnh nhiều lần)**

Bên mua bảo hiểm, với sự chấp thuận của Công ty, có thể thanh toán phí bảo hiểm bảo lãnh tối đa bốn lần mỗi năm trong thời hạn bảo hiểm bảo lãnh theo phương thức được thoả thuận với Công ty khi ký kết hợp đồng. Tuy nhiên, phí bảo hiểm thanh toán đợt đầu tiên sẽ được thanh toán tại thời điểm ký kết Hợp đồng.

#### **Điều 2 (Các Điều khoản điều chỉnh)**

Bất kỳ vấn đề nào không được quy định tại Quy tắc bảo hiểm bổ sung này sẽ được điều chỉnh theo Quy tắc bảo hiểm chung.